

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 299/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07/5/2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Hồng Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1435/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà N.T.T.H, sinh năm 1981.

Thường trú: Thôn H.N.B, thị trấn A.L, huyện A.L, tỉnh Bình Định;

Nơi cư trú: 15/3B ấp 1, xã X.T.T, huyện H.M, thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông T.N.T.Q, sinh năm 1977.

Thường trú: Ấp B.T, xã T.T, huyện T.H, tỉnh Kiên Giang;

Nơi cư trú: 18/7A ấp 1, xã X.T.T, huyện H.M, thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 14/10/2019, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn bà N.T.T.H trình bày:

Sau thời gian tìm hiểu vào năm 2010, bà H và ông Q tự nguyện đến với nhau và được Ủy ban nhân dân thị trấn An Lão, huyện An Lão, tỉnh Bình Định cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 01/2010, ngày 06/5/2010. Sau khi kết hôn bà H và ông Q sống tại Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian sống chung ban đầu có

hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn do bà H và ông Q không hợp nhau, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn về nhiều vấn đề khác nhau, ông Q không quan tâm đến gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con và còn đánh đập hành hạ bà H nên bà đã dọn ra ngoài sống. Nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và bà H không còn tình cảm với ông Q nữa nên xin dứt khoát ly hôn để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Có 01 con chung tên T.N.P, sinh ngày 01/6/2010. Sau khi ly hôn bà H xin được nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà H khai không có.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa cho ông Q nhưng ông Q vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa - Bà Lê Thị Mến phát biểu:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định theo Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ vợ chồng, xét thấy, tình cảm vợ chồng của bà H và ông Q không còn, đời sống vợ chồng không thể hàn gắn trở lại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà H yêu cầu được ly hôn với ông Q là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Bà H và ông Q có 01 con chung tên T.N.P, sinh ngày 01/6/2010. Hiện trẻ đang sống chung với bà H nên bà H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng là có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bởi các lẽ trên, căn cứ Điều 56, 81 Luật HNGĐ năm 2014, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông T.N.T.Q có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ: 18/7A ấp 1, xã X.T.T, huyện H.M, thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng: Ngày 17/3/2020, bà H có đơn xin vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Q đã được tổng đạt hợp lệ, thông báo thụ lý, giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Q vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[3] Về nội dung vụ án:

Bà N.T.T.H và ông T.N.T.Q đăng ký kết hôn ngày 06/5/2010 tại Ủy ban nhân dân thị trấn An Lão, huyện An Lão, tỉnh Bình Định, theo giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 01/2010. Theo Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của bà H và ông Q hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án bà H yêu cầu ly hôn với ông Q vì ông Q không quan tâm đến gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con và còn đánh đập hành hạ bà H. Ông Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt không có lý do. Hiện tại bà H và ông Q không còn chung sống với nhau, điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông Q trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và khả năng đoàn tụ vợ chồng không có. Chính vì những phân tích nêu trên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.T.T.H với bị đơn ông T.N.T.Q.

- Về con chung: Có 01 con chung tên T.N.P, sinh ngày 01/6/2010 hiện bà H đang là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Bà H yêu cầu tiếp tục được nuôi con, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng tiền nuôi con. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với ông Q nhưng ông Q vắng mặt không có lý do, không cung cấp các tài liệu chứng cứ để bảo vệ yêu cầu của mình. Nên hội đồng xét xử xét thấy bà H hiện có nơi cư trú và công việc ổn định, đang trực tiếp chăm sóc và đang sống với trẻ P. Để ổn định tâm sinh lý của trẻ P, phù hợp nguyện vọng của trẻ. Căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84, 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ P cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là đúng, tạm ngừng cấp dưỡng nuôi con đối với ông Q cho tới khi bà H có yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận lời trình bày của bà H là không có tài sản chung và nợ chung.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng: Bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 69, 71, 72, 81, 82, 83, 84, 110 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà N.T.T.H.

Về quan hệ vợ chồng: Bà N.T.T.H được ly hôn với ông T.N.T.Q.

Về con chung: Có 01 con chung tên T.N.P, sinh ngày 01/6/2010. Giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Tạm ngừng cấp dưỡng nuôi con đối với ông Q cho đến khi bà H có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận lời trình bày của bà H là không có tài sản chung và nợ chung.

[2] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, bà H phải chịu nhưng được miễn trừ theo biên lai đóng tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0074169 ngày 17/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Bà H đã đóng đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày từ ngày nhận được bản sao hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THA dân sự HM;
- UBND thị trấn An Lão, huyện An Lão, tỉnh Bình Định (GCNKH số 13, quyền số 01/2010, ngày 06/5/2010).
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Hồng Hải

